

# **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NỘI DUNG HỌC VẤN TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG SAU 2015**

**PGS.TS. VŨ TRỌNG RỸ**

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam**

**T**hực tiễn giáo dục phổ thông ở nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Một trong các vấn đề đó là nội dung học vấn trong nhà trường. Nội dung học vấn trong nhà trường phải như thế nào để tránh được tình trạng quá tải đối với trẻ em mà vẫn đáp ứng được các yêu cầu của xã hội và nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đang diễn ra như vũ bão, dẫn đến sự bùng nổ thông tin? Để giải quyết vấn đề này trong thực tiễn giáo dục, trước hết phải làm rõ một số vấn đề lí luận cơ bản về nội dung học vấn phổ thông. Đây là vấn đề rất phức tạp, tuy nhiên cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu dành cho vấn đề này, từ đó cho phép hình thành những quan điểm cơ bản về nội dung học vấn phổ thông, định ra các chuẩn mực và khuyến cáo cho việc lựa chọn, xây dựng nội dung học vấn trong trường phổ thông.

## **1. Quan niệm về nội dung học vấn phổ thông**

### **1.1 Khái niệm học vấn phổ thông**

Trước khi bàn đến khái niệm học vấn phổ thông cần phải nhắc lại giáo dục phổ thông là gì? Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông là gì?

#### **1.1.1 Giáo dục phổ thông và nhiệm vụ của nó**

**Giáo dục phổ thông:** Đó là sự giáo dục, đào tạo đảm bảo phát triển toàn diện, hài hoà nhân cách, cung cấp học vấn với khối lượng cần thiết cho con người để tham gia tích cực vào đời sống xã hội, để thực hiện các dạng hoạt động có tính chất chung nhất cho tất cả mọi người hoặc cho tuyệt đại đa số.

Giáo dục phổ thông khác với giáo dục nghề nghiệp.

**Giáo dục nghề nghiệp:** Đó là quá trình và kết quả của việc lĩnh hội, nắm vững một khối lượng nhất định tri thức có hệ thống, kĩ năng, kĩ xảo trong lĩnh vực nghề nghiệp và chuyên môn cụ thể. Giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên cơ sở giáo dục phổ thông.

**Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông:** Đã từng tồn tại hai quan điểm trái ngược nhau về nhiệm vụ của giáo dục phổ thông.

Một số nhà giáo dục học cho rằng, nhiệm vụ cơ bản của giáo dục phổ thông là cung cấp cho học sinh những tri thức và hình thành ở họ những kĩ năng, kĩ xảo cần thiết cho cuộc sống và cho hoạt động thực tiễn trong tương lai.

Một số nhà giáo dục khác lại cho rằng, nhiệm vụ cơ bản chủ yếu của giáo dục phổ thông là phát triển những năng lực của học sinh, rèn luyện trí não các em.

Theo chúng tôi, cả hai quan điểm này đều có tính cực đoan, phiến diện. Nhiệm vụ của giáo dục phổ thông vừa cung cấp cho học sinh hệ thống tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo và qua đó vừa phát triển các năng lực và rèn luyện trí não cho họ. Quan điểm về nhiệm vụ của giáo dục phổ thông sẽ chi phối việc lựa chọn và xây dựng học vấn phổ thông trong nhà trường.

#### **1.1.2 Khái niệm học vấn phổ thông**

##### **Khái niệm học vấn**

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt (Nguyễn Như Ý chủ biên, NXB Văn hoá Thông tin, HN 1999)

Học vấn – Những hiểu biết nhờ học tập mà có. Theo định nghĩa này thì *học vấn* gần như đồng nghĩa với *kiến thức* (theo Từ điển Tiếng Việt: Kiến thức – những điều hiểu biết có được, hoặc do từng trải, hoặc nhờ học tập).

Có quan niệm cho rằng, những hiểu biết ở đây chỉ bao gồm hệ thống tri thức, không chứa đựng các kĩ năng, kĩ xảo và thái độ.

Theo chúng tôi, có thể hiểu học vấn là kết quả của quá trình học tập – quá trình biến những kinh nghiệm xã hội – lịch sử của loài người thành vốn kinh nghiệm của cá nhân. Kinh nghiệm xã hội – lịch sử bao gồm không chỉ những tri thức về tự nhiên, xã hội, tư duy, về kĩ thuật và về các cách thức hoạt động mà xã hội đã thu lượm được, mà còn kinh nghiệm thực hiện những cách thức hoạt động đã biết (các kĩ năng), kinh nghiệm tìm kiếm sáng tạo, kinh nghiệm về thái độ đối với thế giới, đối với con người.

Nói một cách khái quát nhất, những hiểu biết ấy phản ánh các giá trị xã hội.

##### **Học vấn phổ thông**

Với quan niệm về học vấn như trên, học vấn phổ thông được hiểu là kết quả nắm vững hệ thống những tri thức khoa học và những kĩ năng, kĩ xảo tương ứng ở mức độ tối thiểu cần thiết cho tất cả mọi người, trước hết là thanh thiếu niên ở lứa tuổi đi học, trong điều kiện phát triển nhất định của kinh tế – xã hội, của khoa học và công nghệ. Đây là quan niệm của các nhà giáo dục Việt Nam, tuy có sự khác nhau về cách diễn đạt ở mỗi người, nhưng bản chất là một.

Theo các tác giả lí luận dạy học Xô Viết, học vấn phổ thông là học vấn nhân lõi cho các loại nghề nghiệp khác nhau và là cơ sở cho bất kể nghề nào trong các nghề đó và là cơ sở cho sự tổ hợp các nghề đó.

Các quan niệm trên về học vấn phổ thông không có gì mâu thuẫn nhau, mà chỉ bổ sung cho nhau.



*Học vấn phổ thông có tính lịch sử.* Nếu học vấn phổ thông là những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo chung nhất cần thiết cho mọi người để sống và lao động trong một xã hội thì nó sẽ phát triển theo sự phát triển của xã hội. Do đó, học vấn phổ thông ở những xã hội, thời đại khác nhau là khác nhau. Thế giới bước sang thế kỉ 21 với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ; xu hướng toàn cầu hoá trong mọi lĩnh vực; sự hình thành kinh tế tri thức; sự hình thành xã hội học tập, xã hội thông tin. Những đặc điểm đó của thời đại đòi hỏi một nền học vấn phổ thông khác hẳn với những nền học vấn phổ thông trước đây.

Một điều khác là cần *phân biệt học vấn phổ thông nói chung và học vấn phổ thông có được qua con đường giáo dục nhà trường.* Học vấn phổ thông có được ở mỗi con người là kết quả của giáo dục nhà trường và giáo dục ngoài nhà trường. Trong khuôn khổ nghiên cứu của đề tài, chúng tôi chỉ bàn đến *học vấn phổ thông trong nhà trường.*

Học vấn phổ thông có quan hệ mật thiết với học vấn kĩ thuật tổng hợp và học vấn nghề nghiệp.

*Học vấn kĩ thuật tổng hợp* đảm bảo trang bị cho học sinh hệ thống các tri thức về những cơ sở của nền sản xuất hiện đại, về năng lượng học của nền sản xuất đó và trù định hình thành hàng loạt các kĩ năng và kĩ xảo lao động có ý nghĩa nền tảng cho việc nắm vững các thao tác lao động trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động con người. Trong nhà trường phổ thông, học vấn phổ thông gắn liền với học vấn kĩ thuật tổng hợp.

*Học vấn nghề nghiệp* là kết quả của việc lĩnh hội, nắm vững một khối lượng nhất định tri thức, kĩ năng, kĩ xảo trong lĩnh vực nghề nghiệp và chuyên môn cụ thể. Học vấn phổ thông và học vấn kĩ thuật tổng hợp là cơ sở để bồi dưỡng học vấn nghề nghiệp. Học vấn nghề nghiệp chủ yếu được trang bị trong các trường dạy nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

### 1.2 Nội dung học vấn phổ thông

Nói đến nội dung học vấn phổ thông là nói đến cấu trúc, thành phần của học vấn phổ thông; là *hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà nhà trường phổ thông phải có nhiệm vụ làm cho học sinh chiếm lĩnh, trở thành tài sản riêng của mỗi cá nhân.*

Nội dung học vấn ở nhà trường phổ thông có tính khách quan, nó là "đơn đặt hàng" của xã hội vì chức năng xã hội cơ bản của giáo dục là truyền thụ kinh nghiệm xã hội-lịch sử do các thế hệ trước đã tích lũy được cho thế hệ đi sau nhằm bảo tồn và phát triển nền văn hóa nhân loại. Nội dung học vấn phổ thông được chọn lựa từ kho tàng văn hóa nhân loại, phản ánh các yếu tố cơ bản của văn hóa. Do đó, cấu trúc nội dung học vấn phổ thông bao gồm :

1) Hệ thống các tri thức về tự nhiên, về xã hội, tư duy, về kĩ thuật, về những biện pháp, cách thức hoạt động mà việc lĩnh hội các tri thức này sẽ đảm bảo cho việc hình thành có ý thức ở học sinh một bức tranh duy vật biện chứng của thế giới, trang bị cho họ

những quan điểm phương pháp luận đúng đắn đối với hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2) Hệ thống các kĩ năng, kĩ xảo chung về trí tuệ và thực hành, hệ thống đó là cơ sở của tập hợp các hoạt động cụ thể và làm cho thế hệ trẻ có năng lực gìn giữ, bảo toàn nền văn hoá.

3) Kinh nghiệm hoạt động sáng tạo, những nét đặc trưng cơ bản của hoạt động mà những đặc trưng này loài người đã dần dần tích lũy được trong quá trình phát triển hoạt động thực tiễn – xã hội, kinh nghiệm đảm bảo cho thế hệ trẻ có năng lực phát triển tiếp tục nền văn hoá.

4) Kinh nghiệm thái độ cảm xúc – ý chí đối với thế giới, đối với nhau, kinh nghiệm này cùng với các tri thức và kĩ năng là điều kiện của các niềm tin, là điều kiện của việc hình thành ở nhân cách hệ thống giá trị.

Việc lĩnh hội yếu tố đầu tiên của nội dung học vấn phổ thông sẽ đảm bảo cho việc hình thành bức tranh thế giới và trang bị phương pháp luận về hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nói một cách khác, các tri thức dùng làm công cụ cho bất kì hoạt động nào.

Việc lĩnh hội yếu tố thứ hai cho phép thế hệ mới thực hiện tái tạo văn hoá và bảo vệ nó. Sự lĩnh hội yếu tố thứ ba sẽ đảm bảo cho việc phát triển tiếp tục văn hoá, sự phát triển đó chỉ có thể có được nếu có hoạt động sáng tạo. Lĩnh hội yếu tố thứ tư có tác dụng điều khiển, điều chỉnh hoạt động của con người cho phù hợp với nhu cầu của nó và do đó lại mở rộng phạm vi của các nhu cầu này, mở rộng hệ thống giá trị, động cơ hoạt động, nghĩa là mở rộng tất cả các biểu hiện của thái độ cảm xúc đối với hoạt động, với sản phẩm của hoạt động và với con người.

Mỗi một yếu tố thực hiện một chức năng riêng biệt của mình không thể thay thế bằng chức năng khác trong việc hình thành nhân cách. Các yếu tố trước có thể tồn tại tách biệt với các yếu tố sau, yếu tố sau không thể có được khi thiếu yếu tố trước. Có thể hiểu (về nhận thức) nhưng không biết làm; có thể nhận thức, biết làm, biết thực hiện một số biện pháp hoạt động nhưng không sẵn sàng sáng tạo (không có khả năng sáng tạo); có thể nhận thức được, biết làm, sáng tạo, trong mối quan hệ khác nhau đối với một hoạt động nhất định. Mỗi liên hệ qua lại giữa các yếu tố biểu hiện ở chỗ, việc lĩnh hội, nắm vững mỗi một yếu tố đều ảnh hưởng đến cấp độ và chất lượng của sự lĩnh hội các yếu tố khác.

Điều trình bày ở trên cho cơ sở kết luận rằng, để tái tạo và phát triển tiếp tục văn hoá cần thiết phải đưa vào *nội dung học vấn phổ thông tất cả những yếu tố chỉ ra ở trên của văn hoá chứ không phải chỉ có hệ thống tri thức.*

Tuy nhiên, việc thực hiện các chức năng của các yếu tố của nội dung học vấn phụ thuộc vào tính vừa sức đối với học sinh, vào dung lượng cụ thể của nội dung và sự phù hợp với các mục đích giáo dục - dạy học của nhà trường

Quan niệm về nội dung học vấn phổ thông như nêu ở trên đều tìm thấy trong các sách giáo dục học của tác giả Việt Nam ( Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn



Ngọc Quang, Thái Duy Tuyên và những người khác).

Ở đây cần phân biệt nội dung học vấn phổ thông với nội dung dạy học và nội dung giáo dục trong trường phổ thông.

Học vấn phổ thông được chọn lựa đưa vào quá trình dạy học và tổ chức sắp xếp theo một trình tự logic nào đó trở thành nội dung dạy học. Học vấn phổ thông là phần cốt lõi của nội dung dạy học, nhưng không đồng nhất với nội dung dạy học. Học vấn phổ thông được thể hiện ở các tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa do giáo viên hoặc các chuyên gia giáo dục biên soạn.

Vì khái niệm giáo dục có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, quá trình giáo dục bao gồm hai quá trình bộ phận: quá trình dạy học và quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp). Do đó, nội dung học vấn phổ thông khi đưa vào cả hai quá trình này, gọi chung là nội dung giáo dục.

### 1.3 Các quan niệm về vai trò của nội dung học vấn phổ thông

Xuất phát từ các quan niệm khác nhau về nhiệm vụ của giáo dục phổ thông mà có các quan niệm khác nhau về vai trò của nội dung học vấn phổ thông.

Ở phương Tây đã từng tồn tại hai khuynh hướng trái ngược nhau về ý nghĩa, vai trò của nội dung học vấn trong nhà trường.

*Khuynh hướng thứ nhất*, không thừa nhận ý nghĩa của nội dung học vấn. Những nhà giáo dục theo khuynh hướng này cho rằng, nhà trường chủ yếu phải hướng vào sự phát triển của các năng lực của học sinh, phát triển các hình thức tư duy, tưởng tượng, ghi nhớ của họ. Tri thức của các cơ sở khoa học không phải là cái có lợi nhất, mà cái có lợi nhất chính là sự ảnh hưởng phát triển của việc nghiên cứu khoa học dẫn đến việc hoàn thiện các năng lực trí tuệ của con người. Do đó ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ Hy Lạp và Latinh, toán học là phương tiện quan trọng nhất để phát triển tư duy, trí óc của học sinh. Khuynh hướng này lại đội lên khi cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão. Người ta cho rằng nhà trường không thể chạy theo sự bùng nổ thông tin mà phải tập trung vào phát triển trí tuệ cho học sinh. Dạy cái gì không phải là quan trọng mà quan trọng là dạy như thế nào. Việc dạy học trong nhà trường giữ vai trò quyết định không phải là nội dung mà là các phương pháp hướng đến sự phát triển các năng lực nhận thức, là việc hình thành các kĩ năng tự chiếm lĩnh các tri thức.

Quan niệm này sai lầm ở chỗ, sự phát triển của các năng lực không thể thực hiện được khi thiếu sự nắm vững một cách hệ thống các tri thức khoa học, sự phát triển trí tuệ chỉ có thể có được trên nền tri thức rộng lớn. Sự biểu hiện của các năng lực luôn luôn có nội dung, nghĩa là được xây dựng trên một nội dung cụ thể của một lĩnh vực nào đó. Đồng thời các dạng khác nhau của các tri thức và cấu trúc khác nhau của chúng có thể đóng vai trò chủ yếu khi lĩnh hội các tri thức và thao tác chúng. Hoạt động có thể đơn giản

hơn hoặc phức tạp hơn, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển trí tuệ. Học sinh càng sử dụng các tri thức, áp dụng nó vào những tình huống mới càng nhiều thì những biện pháp, khả năng hoạt động của học sinh được hình thành càng có kết quả và các tri thức càng được khái quát, càng dễ dàng được học sinh vận dụng vào tình huống mới. Tuy rằng, có thể rèn luyện trí óc trên một nền tảng nội dung hẹp, nhưng thiếu một sự hiểu biết rộng rãi trong các lĩnh vực tri thức khoa học khác nhau thì không thể hình thành thế giới quan khoa học thực sự, không thể có một vốn văn hoá chung rộng rãi, không thể nắm vững đặc điểm quá trình nhận thức trong các lĩnh vực khác nhau của tri thức, không thể xây dựng được cơ sở nền tảng cho việc thể hiện và phát triển năng khiếu cá nhân và những tư chất tự nhiên.

*Khuynh hướng thứ hai*, ngược lại với khuynh hướng thứ nhất, quá cường điệu ý nghĩa của khối lượng tri thức và đánh giá thấp ý nghĩa của sự phát triển tư duy. Những nhà giáo dục theo khuynh hướng này cho rằng, sự lĩnh hội một khối lượng lớn tri thức bản thân nó tự nhiên dẫn đến sự phát triển sự phát triển năng lực nhận thức. Sai lầm của quan điểm này ở chỗ, có thể hiểu nhiều nhưng không biết vận dụng tri thức, do đó không có được các hành động trí tuệ, các kĩ năng nhận thức làm tiền đề cho sự phát triển trí tuệ.

*Khuynh hướng thứ ba* là lí thuyết giáo dục Trung tâm. Lí thuyết này xem xét giáo dục chỉ như là sự lớn lên và phát triển các thuộc tính sẵn có của đứa trẻ. Đại diện cho lí thuyết này là John Dewey (1859 – 1952). Theo John Dewey, nhiệm vụ nhà trường chỉ là tạo ra các điều kiện đảm bảo thuận lợi cho sự phát triển các năng khiếu, hứng thú và các năng lực của trẻ em. Đứa trẻ với hứng thú của nó phải là trung tâm chứ không phải là các chương trình do người lớn xây dựng. Vì hoạt động của trẻ em tuân theo các bản năng và hứng thú của chúng nên không cần phải có kế hoạch học tập và chương trình bắt buộc. Tài liệu dạy học cần lựa chọn từ kinh nghiệm của đứa trẻ.

Tư tưởng John Dewey ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến nhà trường phổ thông ở Mỹ và Châu Âu. Họ thay đổi không khí nhà trường, làm cho nhà trường được tự do, linh hoạt hơn; họ hướng sự chú ý của các nhà giáo dục vào trẻ em và những hứng thú của chúng. Tuy nhiên, tư tưởng của John Dewey đã hạ thấp một cách đáng kể trình độ dạy học trong các nhà trường phổ thông Mỹ. Tư tưởng này chỉ được xem xét, phê phán khi Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên trên thế giới và được đánh giá như là sự thắng lợi của hệ thống giáo dục Xô Viết. Mặc dù vậy, cho đến nay, lí thuyết giáo dục Trung tâm vẫn ảnh hưởng đến việc xây dựng nội dung học vấn phổ thông ở nhà trường Mỹ và Châu Âu.

Theo quan điểm của chúng tôi, cả ba khuynh hướng trên đều phiến diện và cực đoan. Trước hết, cần khẳng định ý nghĩa to lớn của học vấn phổ thông đối với việc hình thành thế giới quan và phẩm chất đạo đức của con người. Học vấn phổ thông cần thiết cho

mọi công dân để tham gia một cách có ý thức vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, để điều khiển các việc làm của họ, để nâng cao năng suất lao động, để phát triển khoa học và văn hoá. Học vấn phổ thông có vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện, hài hoà nhân cách, xoá bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc. Học vấn phổ thông làm phong phú trí óc bằng các tri thức khoa học chân thực và trên cơ sở đó hình thành thế giới quan khoa học. Nắm vững tri thức và kĩ năng là điều kiện quan trọng nhất để phát triển những khả năng và năng lực nhận thức. Học vấn phổ thông giúp cho người ta tiếp xúc với cái đẹp trong cuộc sống, hình thành những tư tưởng cao cả, những cơ sở của đạo đức. Nội dung học vấn phổ thông phải có tính chất kĩ thuật tổng hợp, bao gồm không chỉ những tri thức về tự nhiên và xã hội, mà còn cả những tri thức về các cơ sở khoa học của sản xuất và kĩ năng kĩ thuật tổng hợp. Do đó nhà trường phổ thông phải là nhà trường phổ thông kĩ thuật tổng hợp. Nội dung học vấn ở nhà trường phổ thông vừa phải chú ý hướng vào phát triển các năng lực, phát triển các hình thức tư duy của học sinh, đồng thời vừa phải cung cấp hệ thống tri thức, kĩ năng cần thiết để hình thành thế giới quan khoa học, phát triển hài hoà nhân cách cho học sinh. Nội dung học vấn phổ thông được hiểu theo cách mới không quy nó về *chỉ là tổng số những tri thức*.

**2. Định hướng phát triển nội dung học vấn trong nhà trường phổ thông Việt Nam sau 2015**

**2.1 Quan điểm tiếp cận**

Từ quan niệm về học vấn phổ thông và nội dung học vấn phổ thông trình bày ở trên và qua tham khảo cách tổ chức nội dung học vấn cho nhà trường phổ thông một số nước, chúng tôi đưa ra quan điểm tiếp cận đối với việc xây dựng học vấn cho trường phổ thông. Nội dung học vấn trong nhà trường phổ thông cần được lựa chọn từ các thành tố cấu trúc của nền văn hóa nhân loại nhằm hình thành và phát triển các năng lực then chốt ở học sinh để thực hiện giáo dục và học tập suốt đời. Tiếp cận này được gọi là **tiếp cận năng lực**. Tư tưởng cơ bản của tiếp cận năng lực là:

- Các năng lực “chìa khoá” sẽ được đưa vào cơ sở của nội dung học vấn, nhưng không đối lập năng lực với kiến thức. Năng lực bao hàm cả kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, không những thế còn cả động cơ, đạo đức và hành vi xã hội.

- Các năng lực được hình thành trong quá trình dạy học và không chỉ ở trong nhà trường mà còn dưới tác động của gia đình, xã hội, của chính trị, tôn giáo, văn hoá v.v..

- Có nhiều năng lực, trong đó có những năng lực cơ bản có tính “chìa khoá”. Vấn đề lựa chọn các năng lực “chìa khoá” là vấn đề trọng tâm đối mới nội dung học vấn ở trường phổ thông. Năng lực “chìa khoá” là năng lực thực hiện nhiều chức năng như năng lực trong hoạt động nhận thức độc lập, năng lực trong hoạt động xã hội – công dân, năng lực trong hoạt động lao động xã hội, năng lực trong cuộc sống hàng ngày, năng lực trong hoạt động giải trí – văn hoá.

Phản trên đã trình bày cấu trúc của học vấn phổ thông bao gồm 4 yếu tố cơ bản. Để đưa ra phương án xây dựng nội dung học vấn cho nhà trường phổ thông theo tiếp cận năng lực cần phải xem xét cụ thể những đặc điểm của mỗi yếu tố của nội dung học vấn.

Tri thức là yếu tố cơ bản đầu tiên. Không có tri thức thì không thể có một hành động có mục đích nào. Nhưng tri thức do loài người tích lũy được là một tập hợp vô cùng to lớn và không một cá nhân nào lại có thể lĩnh hội nắm vững được tất cả. Toàn bộ một thể hệ có thể nắm vững được tất cả tri thức mới chung, còn mỗi một người chỉ có thể nắm được một bộ phận nào đó của chúng. Đồng thời, điều quan trọng là, để bộ phận này bao hàm những lĩnh vực muôn hình muôn vẻ của tri thức tạo nên cơ sở của các khoa học và các dạng cơ bản của hoạt động xã hội và của đời sống (hoạt động xã hội, lao động, đời sống gia đình v.v..). Mặt khác, phải làm cho nội dung học vấn bao hàm các dạng khác nhau của tri thức đặc trưng cho các khoa học nền tảng. Các dạng tri thức khác nhau có vai trò khác nhau trong việc thực hiện các chức năng trong quá trình dạy học – giáo dục. Chúng đòi hỏi các hình thức tổ chức dạy học khác nhau và các thủ thuật dạy học khác nhau. Tất cả các dạng tri thức đều liên quan đến nhau, nếu thiếu ý thức về sự cần thiết của mỗi dạng tri thức thì sẽ không tránh khỏi bỏ sót dạng tri thức này hoặc dạng tri thức khác. Ví dụ, trước đây, các tác giả sách giáo khoa và các tài liệu phương pháp dạy học đã xem thường các phương pháp nhận thức, các phương pháp và lịch sử khoa học và do đó không chuẩn bị cho học sinh đi vào công việc nhận thức hiện thực một cách độc lập.

Dạng thứ hai của học vấn là kinh nghiệm tiến hành các biện pháp, cách thức hoạt động. Các tri thức về các biện pháp được chứa đựng trong yếu tố thứ nhất của văn hoá. Nếu thiếu các tri thức này thì không thể thực hiện một cách tự giác bất kì biện pháp hoạt động nào. Nhưng chỉ có các tri thức này thì không đủ. Cần phải nắm vững kinh nghiệm vận dụng các tri thức vào thực tiễn. Kinh nghiệm này do loài người tích lũy được trong quá trình lao động nhưng nó nằm ngoài cá nhân, khi cá nhân trong quá trình thực hành còn chưa làm cho kinh nghiệm đó trở thành tài sản riêng của cá nhân. Nó trở thành tài sản của cá nhân chỉ khi ở cá nhân đã có được các kĩ năng và kĩ xảo. Hiện nay các kĩ năng đã được tính đến trong các chương trình, nhưng việc lựa chọn một cách khoa học các kĩ năng cơ bản vừa sức và quan trọng đưa vào học vấn phổ thông chưa phải đã trọn.

Các kĩ năng, kĩ xảo có thể là kĩ năng, kĩ xảo thực hành và kĩ năng, kĩ xảo trí tuệ, trong đó có những kĩ năng, kĩ xảo chung cho mọi môn học và có những kĩ năng, kĩ xảo đặc thù của môn học.

Dạng thứ ba của nội dung học vấn – Đó là kinh nghiệm hoạt động sáng tạo khơi dậy tính sẵn sàng đi vào tìm kiếm lời giải đáp những vấn đề mới, đi vào biến đổi một cách sáng tạo hiện thực. Kinh nghiệm này cũng có nội dung đặc thù không trùng lặp với nội dung của 2 dạng ban đầu. Khi chiếm lĩnh được tri

thức và kĩ năng, mỗi con người như đã được chuẩn bị cho hoạt động sáng tạo. Cần lưu ý rằng, không phải sức mạnh sáng tạo của con người chỉ phụ thuộc vào khối lượng tri thức đã lĩnh hội. Không ít người hiểu biết ít so với những nhà thông thái nhưng làm việc sáng tạo hơn nhiều nhà thông thái.

Dạng thứ tư của nội dung học vấn - đó là kinh nghiệm thái độ cảm xúc - ý chí đối với thế giới, đối với nhau, kinh nghiệm này cùng với các tri thức và kĩ năng là điều kiện của các niềm tin, là điều kiện của việc hình thành ở nhân cách hệ thống giá trị.

Trước đây, lựa chọn học vấn cho nhà trường phổ thông chú trọng nhiều hơn đến dạng thứ nhất của học vấn. Theo quan điểm tiếp cận năng lực, cấu trúc học vấn trong nhà trường phổ thông vẫn gồm bốn thành tố, song các dạng học vấn thứ hai, thứ ba và thứ tư sẽ chiếm một tỉ lệ lớn hơn so với trước, đặc biệt là dạng học vấn thứ ba- kinh nghiệm hoạt động sáng tạo. Việc lựa chọn hệ thống tri thức, kĩ năng đưa vào nội dung học vấn nhà trường phổ thông phải xuất phát từ cấu trúc của các năng lực định hình thành và phát triển ở học sinh và cái đích cuối cùng là phải hình thành được các năng lực này ở các em.

## 2.2. Các nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn nội dung học vấn cho trường phổ thông.

Có thể nêu lên các nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn nội dung học vấn cho trường phổ thông như sau:

### Các nguyên tắc:

- Nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp giữa nội dung học vấn với các yêu cầu của xã hội phát triển. Theo đó, phải đưa vào nội dung học vấn những tri thức, kĩ năng phản ánh những thành tựu của khoa học công nghệ thế giới và sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, thực hiện đồng thời các chức năng giáo dục và phát triển của dạy học.
- Nguyên tắc tính đến mặt nội dung và mặt quá trình, gạt bỏ sự định hướng phiến diện của nội dung học vấn và xem xét nội dung tách rời thực tiễn sự phạm, nghĩa là tách rời khỏi quá trình dạy học cụ thể mà ngoài quá trình đó nội dung học vấn không thể thực hiện được. Như vậy, khi thiết kế nội dung học vấn môn học cần phải tính đến các phương pháp, quy luật, nguyên tắc dạy học nói chung.
- Nguyên tắc về sự thống nhất cấu trúc của nội dung học vấn ở những cấp độ khác nhau: cấp độ khái niệm, lí thuyết, cấp độ môn học, cấp độ nhân cách học sinh, có sự kế thừa từ cấp học này đến cấp học khác.

### Các tiêu chí lựa chọn nội dung các cơ sở khoa học:

Phản ánh trọn vẹn vào nội dung học vấn các nhiệm vụ hình thành nhân cách phát triển hài hoà.

Các nội dung của cơ sở khoa học đưa vào nội dung học vấn phải có giá trị thực tiễn và khoa học cao.

Tính phức tạp của nội dung phải tương ứng với khả năng học tập hiện thực của học sinh ở tuổi nhất định.

Khối lượng nội dung phải tương ứng với thời gian dành cho việc nghiên cứu môn học hoặc tổ chức hoạt động giáo dục đó.

Nội dung phải tương ứng với hệ thống cơ sở vật chất và kĩ thuật hiện có của nhà trường hiện đại.

## 2.3 Định hướng tổ chức nội dung học vấn ở trường phổ thông sau 2015

Nội dung học vấn ở nhà trường phổ thông sau 2015 phản ánh bốn thành tố của nền văn hóa nhân loại, bao gồm các lĩnh vực: Ngôn ngữ (kể cả tiếng nước ngoài), Toán học; Khoa học; Khoa học xã hội và nhân văn; Nghệ thuật; Thể dục và sức khỏe; Kĩ thuật và công nghệ; hoạt động xã hội.

Lĩnh vực ngôn ngữ bao gồm Tiếng Việt, tiếng nước ngoài, Tiếng dân tộc thiểu số.

Lĩnh vực khoa học bao gồm các tri thức về Vật lí, Hóa học, Sinh học.

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn bao gồm các tri thức về Văn học, Lịch sử, Địa lí, Chính trị.

Lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ bao gồm tri thức về kĩ thuật phổ thông và tin học.

Lĩnh vực thể dục và sức khỏe bao gồm kĩ năng thể dục, thể thao và hiểu biết về bảo vệ sức khỏe.

Lĩnh vực hoạt động xã hội bao gồm hoạt động lao động kĩ thuật, hoạt động công ích, hoạt động chính trị - xã hội.

Nội dung học vấn ở nhà trường phổ thông được tổ chức theo hai giai đoạn : giai đoạn *Giáo dục cơ sở* (cơ bản, bắt buộc) và giai đoạn *Sau Giáo dục cơ sở* chuẩn bị cho học sinh vào đời, hoặc học lên cao đẳng, đại học.

Ở giai đoạn giáo dục cơ sở, học sinh được tiếp nhận những kiến thức, kĩ năng phổ thông cơ bản cần thiết cho mỗi con người sống trong xã hội hiện đại. Ở giai đoạn sau giáo dục cơ sở, nội dung học vấn không áp dụng đồng loạt cho mọi học sinh, có nhiều phương án thực hiện để tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn cho học sinh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bách khoa toàn thư sự phạm*, Tập 18, M. tr. 644,645 (tiếng Nga)
2. Yu.K Babanski ( 1983 ), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Maxcova
3. Phạm Minh Hạc ( chủ biên ) ( 2002 ), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt ( 1987 ), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Trần Thị Tuyết Oanh( chủ biên)( 2005 ), *Giáo trình giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm
6. Thái Duy Tuyên ( 1998 ), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Như Ý ( chủ biên ) ( 1999 ), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin.

## SUMMARY:

*The reality of school education in Vietnam has posed many issues, among them the issue of school knowledge. This article presents directions for school knowledge after 2015. The author describes the concepts, contents, roles of school knowledge as well as approaches and principles, criteria for selecting school knowledge.*